

# Một số giải pháp nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh nước sạch của Công ty Cổ phần Cấp nước Nhà Bè

Phạm Trí Hải  
Công ty Cổ phần Cấp nước Nhà Bè

Công ty Cổ phần Cấp nước Nhà Bè là một trong các công ty cổ phần cấp nước có tỷ lệ tăng trưởng rất cao. Bài viết đánh giá những mặt làm được, những mặt hạn chế, từ đó đề xuất các giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh nước sạch tại Công ty trong giai đoạn tiếp theo, cũng như cung cấp bài học kinh nghiệm cho các công ty cấp nước khác trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

## 1. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh nước sạch của Công ty Cổ phần Cấp nước Nhà Bè trong giai đoạn 2018 – 2021

Giai đoạn 2018 – 2021 là giai đoạn đầy biến động với doanh nghiệp hoạt động trên nhiều lĩnh vực sản xuất kinh doanh do sự tác động của nhiều nguyên nhân khác nhau, nhất là trong hai năm gần đây khi đại dịch Covid-19 diễn biến phức tạp vô cùng phức tạp gây ảnh hưởng lớn đến nền kinh tế Việt Nam nói chung, đến ngành nước nói riêng. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty Cổ phần Cấp nước Nhà Bè trong những năm gần đây cho thấy khá rõ những thực trạng đó.

Bảng 1: Kết quả thực hiện các chỉ tiêu kinh doanh nước sạch của Công ty Cổ phần Cấp nước Nhà Bè trong giai đoạn 2018 – 2021

Chỉ tiêu	ĐVT	2018	2019	2020	2021
SL nước tiêu thụ	1.000m <sup>3</sup>	69.013	70.919	72.008	69.605
Doanh thu tiền nước	Tr. đồng	627.632	655.135	737.411	742.466
Gắn mới ĐHN	Cái	5.971	4.339	3.597	1.804
Thay ĐHN nhỏ	Cái	18.106	20.095	24.170	18.674
Thay ĐHN lớn	Cái	65	86	55	30
Tỉ lệ thất thoát nước	Cái	17.35	13.08	13.12	16.58
Tổng doanh thu	Tr. đồng	643.191	666.949	751.382	750.683
Lợi nhuận trước thuế	Tr. đồng	14.605	17.973	20.799	22.657

Nguồn: Tổng hợp từ Báo cáo thường niên của Công ty CP Cấp nước Nhà Bè

Từ số liệu trên cho thấy kết quả sản xuất kinh doanh của Công ty đạt được khá tốt và tăng ổn định theo từng năm.

Chỉ riêng đối với năm 2021, do tình hình dịch bệnh Covid-19 diễn biến đặc biệt phức tạp trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh nên Công ty phải áp dụng phương thức làm việc thích hợp với tình hình giãn cách xã hội theo chỉ đạo của Ủy ban nhân dân Thành phố. Điều đó khiến kết quả kinh doanh mà Công ty thực hiện không đạt được chỉ tiêu theo kế hoạch và so với năm trước.

## 2. Một số hạn chế còn tồn tại

Thứ nhất, chi phí sản xuất kinh doanh của công ty vẫn còn cao. Mặc dù tỷ lệ giá vốn hàng bán trên doanh thu thuần có xu hướng giảm xuống, nhưng trong những năm vừa qua, một mặt, giá vốn hàng bán vẫn chiếm tỷ lệ tương đối lớn trong doanh thu thuần của Công ty. Điều này có tác động làm giảm hiệu quả kinh doanh của công ty.

Hai là, quy mô vốn bằng tiền của Công ty còn cao. Quy mô đầu tư bằng tiền và tương đương tiền bình quân của Công ty tăng liên tục. Điều này cho thấy Công ty đã và đang duy trì quy mô vốn bằng tiền rất lớn, đặc biệt là tiền mặt. Đây là nguyên nhân dẫn đến vòng quay vốn bằng tiền giảm xuống liên tục.

Ba là, công tác quản lý tài chính chưa đạt hiệu quả tương xứng với tầm vóc và nhiệm vụ của Công ty. Vòng quay vốn lưu động của Công ty có xu hướng giảm trong giai đoạn 2018 – 2021, từ mức 2,33 vòng năm 2018 xuống mức 2,15 vòng năm 2021. Điều này cho thấy hiệu quả sử dụng vốn lưu động của công ty vẫn còn rất thấp, từ đó tác động tiêu cực đến hiệu quả kinh doanh của công ty.

Bốn là, mặc dù Công ty đã có sự quan tâm nhất định đến tăng cường thể chế về ứng dụng khoa học kỹ thuật và công nghệ vào hoạt động kinh doanh nước sạch, tuy nhiên quá trình triển khai các phương thức chuyên sâu hơn về ứng dụng khoa học kỹ thuật, công nghệ thông tin vẫn còn chậm, do đó chưa đạt được sức phát triển sản xuất kinh doanh của Công ty theo định hướng hiện đại, hiệu quả, an toàn.

## 3. Một số giải pháp cơ bản nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh tại Công ty Cổ phần Cấp nước Nhà Bè hiện nay

Thứ nhất, giải pháp về quản lý khách hàng, tăng sản lượng và doanh thu

Nghiên cứu kỹ các dự án phát triển đô thị vùng Nam Thành phố, đánh giá tiềm năng về phân vùng cấp nước cho Công ty tại các xã vùng hạ Huyện Cần Giuộc, Long An, chủ động lập dự án đầu tư mở rộng vùng cấp nước, khai thác tốt thị phần tiêu thụ nước ngoài Thành phố Hồ Chí Minh; theo đó, xây dựng đề án quy hoạch cấp nước của Công ty trên cơ sở cân đối các tuyến ống cấp 1, 2 được Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn đầu tư vào địa bàn Công ty.

Đầu tư thiết bị công nghệ có chức năng kiểm soát ngày càng tốt hơn áp lực và chất lượng nước trên toàn hệ thống mạng lưới; giải quyết khẩn trương các

phát sinh kỹ thuật trên ống nhánh, đảm bảo áp lực nước mạnh và chất lượng nước đúng tiêu chuẩn để cấp nước an toàn, liên tục trên toàn vùng, nhất là các khách hàng lớn thực hiện được mục tiêu tăng sản lượng nước tiêu thụ.

Duy trì sản phẩm nước uống đóng chai với chất lượng tuyệt đối bảo đảm theo tiêu chí kiểm soát an toàn vệ sinh thực phẩm của Hệ thống ISO 22000&HACCP nhằm bổ sung tích cực cho sản xuất kinh doanh nước sạch, phục vụ tốt cho hoạt động của Công ty và đời sống người lao động, góp phần “Cảm nhận sự tinh khiết” của thương hiệu “Cấp nước Nhà Bè”.

Thứ hai, giải pháp tăng cường quản lý mạng lưới cấp nước và giảm tỷ lệ nước thất thoát thất thu

Có kế hoạch trung hạn xây dựng cơ bản mạng lưới cấp nước với nội dung về qui mô và dòng tiền đầu tư; trong đó, xem xét tính cấp thiết giữa phát triển tăng sản lượng với cải tạo giảm thất thoát nước để chủ động trong việc tập trung chi phí đầu tư hay huy động các nguồn vốn, kể cả nguồn vốn vay để triển khai các dự án.

Thực hiện tốt công tác quản lý mạng lưới trên cơ sở đánh giá về địa chất vùng cấp nước, tập trung triển khai chuyên sâu công tác phân vùng tách mạng; đến cuối năm 2022, vận hành đủ các đồng hồ tổng DMA trên toàn địa bàn, nhằm đo đếm chính xác lượng nước ra vào từng khu vực, kiểm soát tốt áp lực, lưu lượng và chất lượng nước; từng bước nâng cao năng lực quản lý mạng lưới cấp nước nhằm đảm bảo cho mục tiêu cấp nước an toàn và thực hiện chủ trương hiện đại hóa dần công tác quản lý cấp nước.

Ưu tiên áp dụng khoa học kỹ thuật và công nghệ thông tin vào công tác quản lý mạng lưới cấp nước. Trong đó, sử dụng các loại vật tư có tích hợp công nghệ thông minh; vận hành thí điểm một vài DMA thông minh và hệ thống cấp nước khu vực thông minh để định hướng đúng việc mở rộng ứng dụng công nghệ.

Xây dựng kế hoạch giảm thất thoát nước từng năm và từng giai đoạn; trong đó, xác định lộ trình triển khai các dự án cải tạo các tuyến ống đã hết hạn sử dụng (trên 25 năm) thuộc địa bàn Quận 4; sử dụng vật tư chuyên ngành chất lượng cao; nâng cao chất lượng hoạt động giám sát, đảm bảo chất lượng thi công các công trình xây dựng cơ bản; thực hiện dứt khoát tận gốc các tuyến ống cũ, đồng thời với việc đưa vào khai thác tuyến ống mới cải tạo; Xây dựng kế hoạch chi tiết cho công tác dò bể trên toàn địa bàn; thực hiện sửa chữa nhanh điểm bể nổi và sửa chữa tích cực điểm bể ngầm.

Thứ ba, giải pháp về nâng cao chất lượng dịch vụ

Với phương châm “thu nhanh, thu hết”, triển khai hiệu quả phương thức không thu tiền nước tại nhà đối với hóa đơn tiền nước điện tử thông qua giải

pháp mở thêm các kênh thanh toán tiện lợi cho khách hàng; tiến hành nhắc nợ chính xác qua thông tin trực tuyến trên điện thoại thông minh để thu nợ kịp thời, đảm bảo hiệu quả kinh doanh.

Các ứng dụng công nghệ thông tin tập trung vào việc xây dựng mối tương tác thân thiện với khách hàng, như nâng cấp trang tin điện tử capnuocnha-be.vn; theo đó, cần xây dựng mục tiêu và lộ trình cụ thể đối với việc đưa công nghệ thông tin vào tất cả các thủ tục về nghiệp vụ kinh doanh cấp nước; đến cuối năm 2024 tất cả hồ sơ khách hàng sử dụng nước (như yêu cầu gắn mới, nâng dời đồng hồ nước, báo bể, thông báo đóng tiền, nợ tiền nước, đóng tiền qua mạng, báo sự cố mạng lưới...) đều được tiếp nhận và giải quyết qua “Văn phòng giao dịch trực tuyến Cấp nước Nhà Bè”.

Thứ tư, giải pháp về phát triển nguồn nhân lực

Có kế hoạch bồi dưỡng, nâng cao kiến thức chuyên môn và kỹ năng làm việc tổ-nhóm, trao đổi kinh nghiệm chuyên môn trong và ngoài nước về các mặt quản lý kỹ thuật, nghiệp vụ kinh doanh; nhất là các lĩnh vực ứng dụng khoa học kỹ thuật, công nghệ thông tin, cải cách hành chính và công tác giảm thất thoát nước.

Công nhân viên phải tự trau dồi kỹ năng làm việc giỏi, làm tốt công tác tham mưu, xây dựng phong cách làm việc chuyên nghiệp, rèn luyện thái độ công tác trách nhiệm và tận tâm với hoạt động cấp nước của Công ty, đáp ứng được yêu cầu xây dựng Công ty theo định hướng “thân thiện và hiện đại”.

#### 4. Kết luận

Thông qua các đánh giá hiệu quả sản xuất kinh doanh cho thấy nỗ lực và định hướng phát triển đúng đắn của Công ty Cổ phần Cấp nước Nhà Bè; phấn đấu giảm thất thoát nước, giảm chi phí kinh doanh và tăng trưởng doanh thu, chủ động kiểm soát có hiệu quả dòng tiền kinh doanh... tạo ra một giá trị tích lũy với một niềm tin phát triển bền vững trong tương lai./.

#### Tài liệu tham khảo

Chính phủ (2007), Nghị định số 117/2007/NĐ-CP Về sản xuất, cung cấp và tiêu thụ nước sạch, ban hành ngày 11 tháng 7 năm 2007, Hà Nội.

Công ty Cổ phần Cấp nước Nhà Bè (2018), Báo cáo thường niên năm 2018, 2019, 2020, 2021

Đảng bộ cơ sở Công ty Cổ phần Cấp nước Nhà Bè (2020), Báo cáo chính trị Đại hội Đảng bộ cơ sở Công ty Cổ phần Cấp nước Nhà Bè nhiệm kỳ 2020 – 2025, Thành phố Hồ Chí Minh.

# Các nhân tố ảnh hưởng đến ý định nghỉ việc của trợ lý kiểm toán: nghiên cứu trong các công ty kiểm toán độc lập tại thành phố Hồ Chí Minh

Nguyễn Anh Hiền  
Trưởng Đại học Sài Gòn  
Chương Vĩnh Thắng  
Tổng Công ty CP Bảo hiểm Toàn cầu

Mục tiêu của nghiên cứu nhằm xác định các nhân tố ảnh hưởng đến ý định nghỉ việc của trợ lý kiểm toán trong các công ty kiểm toán độc lập hoạt động tại thành phố Hồ Chí Minh. Sử dụng kỹ thuật đánh giá độ tin cậy thang đo Cronbach's Alpha, phân tích nhân tố khám phá, phân tích hồi quy từ dữ liệu sơ cấp đã xử lý trên cỡ mẫu hợp lệ thu về là 309 mẫu. Kết quả nghiên cứu cho thấy có ba yếu tố ảnh hưởng đến ý định nghỉ việc của trợ lý kiểm toán tại thành phố Hồ Chí Minh gồm: Nhận thức nghề nghiệp; Điều kiện làm việc và Môi trường làm việc.

## 1. Mở đầu

Thực tế cho thấy nhân sự trong các công ty kiểm toán độc lập thường xuyên biến động không chỉ ở thành phố Hồ Chí Minh mà trong cả nước. Nhiều sinh viên mới ra trường làm việc với vai trò trợ lý kiểm toán trong các công ty kiểm toán độc lập thường nghỉ việc trong vòng ba năm kể từ khi mới bắt đầu làm việc. Các nghiên cứu cũng đã chứng minh nghề kiểm toán là một trong các nghề có nhân viên nghỉ việc nhiều (Chi và cộng sự, 2013). Điều này đã thúc đẩy các nhà nghiên cứu tìm hiểu nguyên nhân dẫn đến vấn đề này. Một trong những nguyên nhân dẫn đến hiện tượng này là sự không hài lòng trong công việc của các kiểm toán viên. Điều này ảnh hưởng tiêu cực đến hiệu quả hoạt động của các công ty kiểm toán độc lập vì chi phí nhân sự gia tăng do nhân viên nghỉ việc thường xuyên. Ngoài ra, nhân viên nghỉ việc nhiều sẽ làm giảm tính chuyên nghiệp của các công ty kiểm toán từ đó ảnh hưởng đến chất lượng hoạt động kiểm toán (Hall và Smith, 2009). Khi có sự thay đổi trợ lý kiểm toán thì cần phải có thời gian cần thiết để đào tạo trợ lý kiểm toán viên mới cho các khách hàng tiếp theo. Trước thực trạng nghỉ việc nhiều trong ngành kiểm toán, nhiều nghiên cứu trên thế giới tìm hiểu các nhân tố ảnh hưởng đến quyết định nghỉ việc của các kiểm toán viên, nhằm giúp các công ty kiểm toán có các biện pháp giữ chân nhân viên, từ đó có thể giảm chi phí và giúp các công ty cung cấp dịch vụ kiểm toán cho khách hàng với chất lượng ngày càng tốt hơn. Tại Việt Nam, vấn đề nghỉ việc của trợ lý kiểm toán vẫn đang xảy ra, điều này thể hiện qua việc thiếu hụt các trợ lý kiểm toán thường xuyên thông qua nhu cầu tuyển dụng các trợ lý kiểm toán của các công ty

kiểm toán. Nghiên cứu này được thực hiện với mục đích kiểm định những nhân tố nào ảnh hưởng đến ý định nghỉ việc của các trợ lý kiểm toán trong các công ty kiểm toán độc lập. Qua đó, đề xuất những hàm ý quản trị thích hợp cho các công ty kiểm toán độc lập tại thành phố Hồ Chí Minh nói riêng và tại Việt Nam nói chung nhằm hạn chế tình trạng nghỉ việc của nhân viên kiểm toán.

## 2. Cơ sở lý thuyết và phương pháp nghiên cứu

### 2.1. Cơ sở lý thuyết và mô hình nghiên cứu

Theo Price và Mueller (1981) nghỉ việc là sự di chuyển ra khỏi tổ chức của cá nhân nào đó. Cá nhân trong trường hợp này được hiểu là nhân viên của tổ chức. Căn cứ các lý thuyết nền như lý thuyết nhu cầu, lý thuyết kỳ vọng, lý thuyết hành vi dự định, nhiều nghiên cứu trước đây cũng đã tìm ra các nhân tố ảnh hưởng đến ý định nghỉ việc của nhân viên trong một tổ chức.

- Nhận thức nghề nghiệp kiểm toán và ý định nghỉ việc: Kiểm toán được xã hội biết đến như một nghề có uy tín nhất định, đòi hỏi kiến thức chuyên sâu, mang lại những định hướng về nghề nghiệp rõ ràng cho các cá nhân. Gertsson và cộng sự (2017) cho rằng nhận thức về nghề kiểm toán của các trợ lý kiểm toán được tạo ra bởi hình ảnh về nghề nghiệp trong xã hội. Nếu thực tế những điều này không đúng thì sẽ xảy ra sự không phù hợp giữa hình ảnh về nghề nghiệp trong xã hội và hình ảnh thực tế nơi làm việc có thể dẫn đến ý định nghỉ việc của các trợ lý kiểm toán.

- Điều kiện làm việc và ý định nghỉ việc: Trong nghề kiểm toán, yếu tố thời gian đặc biệt quan